



NGOẠI GIAO VIỆT NAM TRÊN NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG ĐỔI MỚI

NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG *

CÔNG cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ giữa những năm 80 (thế kỷ XX) đã đột phá cơ chế cũ, phát huy sáng tạo, khơi nguồn nội lực, giải quyết những nhiệm vụ kinh tế, xã hội của nước ta, tham gia vào liên kết kinh tế và hội nhập quốc tế ngày càng sâu sắc.

Cùng thời gian này, tình hình quốc tế diễn ra những thay đổi sâu rộng. Từ giữa những năm 80 (thế kỷ XX), các nước lớn điều chỉnh chính sách, thương lượng với nhau dàn xếp các xung đột khu vực, trong đó có quan hệ tới Đông Dương. Từ đầu những năm 90 (thế kỷ XX), “chiến tranh lạnh” chấm dứt, các thể chế xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tan rã. Cục diện thế giới hai cực kết thúc, trật tự thế giới mới chưa định hình rõ, nhưng hình thái đa dạng hóa trong quan hệ chính trị, kinh tế quốc tế không ngừng tăng cường mở rộng. Khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão; liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu hóa ngày càng sâu sắc. Đông Á trở thành một trung tâm phát triển kinh tế của thế giới, xuất hiện các "con rồng", "con hổ" - những quốc gia công nghiệp hóa mới. Đến cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc trỗi dậy thành một đầu tàu kinh tế thế giới, một trung tâm quyền lực mới tại khu vực.

Trước những thay đổi và đảo lộn trên trường quốc tế, đường lối, chính sách đối ngoại của

nước ta đã có điều chỉnh lớn, tập trung giải quyết những vấn đề trọng yếu trong quan hệ quốc tế của Việt Nam nhằm tạo thế ổn định và điều kiện quốc tế thuận lợi phục vụ cho quá trình đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong những năm 1986 - 1991, ngoại giao Việt Nam tích cực tham gia các cơ chế đối thoại quốc tế tìm giải pháp chính trị cho vấn đề Cam-pu-chia, đồng thời đẩy mạnh đàm phán bình thường hóa quan hệ với các nước ở khu vực và các nước lớn. Về kinh tế đối ngoại, Việt Nam cùng các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) điều chỉnh cơ chế hợp tác, nhằm tiến tới thực hiện quan hệ thương mại trên cơ sở giá quốc tế và đồng tiền chuyên đổi.

Ngay sau khi Hiệp định quốc tế về Cam-pu-chia được ký kết tháng 10-1991, ngoại giao Việt Nam bước vào chặng đường mới, nhạy bén và quyết đoán, tạo ra các đột phá làm tan băng quan hệ với láng giềng, khu vực và các nước lớn, đưa nước ta vượt qua bao vây cấm vận quốc tế. Các trở ngại trên con đường hội nhập quốc tế được tháo gỡ, lộ trình ngày một thông thoáng.

Đến năm 1995, Việt Nam gặt hái nhiều thành quả trên toàn phương vị đối ngoại. Đầu năm, Việt Nam và Hoa Kỳ mở cơ quan ngoại

* TS, Đại sứ Việt Nam tại Thụy Điển và Phần Lan

giao tại thủ đô hai nước. Tháng 7, Việt Nam và Hoa Kỳ tuyên bố bình thường hóa quan hệ và thiết lập quan hệ ngoại giao; Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) ký Hiệp định khung hợp tác; Việt Nam gia nhập ASEAN. Việt Nam và Trung Quốc thúc đẩy đàm phán về biên giới và lãnh thổ, dẫn tới ký kết các Hiệp định lịch sử phân định biên giới trên bộ và vịnh Bắc Bộ trong các năm 1999 và 2000.

Việc mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao uy tín và vị thế của đất nước trên trường quốc tế, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, như đánh giá của Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1-1994), là một trong ba thành tựu của công cuộc đổi mới.

Cơ sở lý luận của công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực đối nội được hình thành qua quá trình đổi mới tư duy nhận thức, đổi mới cơ chế, vừa làm vừa đúc rút tổng kết kinh nghiệm thực tiễn. Về đối ngoại, nhận thức cũng là một quá trình. Các nghị quyết của Đảng qua các thời kỳ đã làm sáng tỏ nhiều quan điểm mới mẻ về thời đại, thời cuộc, vận nước, đối tác, đối tượng, cũng như về đường lối quốc tế và chính sách đối ngoại của đất nước...

Hoạt động đối ngoại tiếp thu những bài học đã được tổng kết qua thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội: nguyên lý kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; độc lập tự chủ, tự lực tự cường và tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế; phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; xây dựng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng và xử lý đúng đắn quan hệ với các nước lớn... Ngoại giao thời kỳ hội nhập đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp và phong cách ngoại giao của Người vào các quyết sách và xử thế đối ngoại, trước hết trong quan hệ láng giềng, nước lớn. Ngoại giao cũng kế thừa những kinh nghiệm lịch sử của các quan hệ địa - chính trị truyền thống, các suy xét sâu xa, phương lược ứng xử của ông cha ta trong bang giao quốc tế.

Cách mạng Việt Nam trong toàn bộ lịch sử của mình luôn được đặt trong trào lưu tiến bộ của nhân loại, mà một trong những nhân tố thắng lợi là kết hợp được sức mạnh dân tộc và thời đại. Vận dụng nguyên lý này trong thời kỳ toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám, khóa IX, tiếp tục nhấn mạnh chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; khẳng định Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế.

Trên cơ sở tự cường, đổi mới, phát huy nội lực, nền kinh tế Việt Nam gắn kết vào đoàn tàu kinh tế Đông Á và tiến hành hội nhập kinh tế thế giới. Đồng thời, liên kết kinh tế và hội nhập quốc tế tác động trở lại, thúc đẩy quá trình đổi mới cơ chế trong nước, hình thành thể chế kinh tế, hệ thống pháp luật, tập quán... Hai quá trình phát huy nội lực và khai thác ngoại lực được kết hợp ngày càng khăng khít, liên hệ trực tiếp và biện chứng với nhau.

Hợp tác quốc tế lâu bền luôn dựa trên mẫu số chung về lợi ích. Thực tiễn quan hệ quốc tế những năm gần đây cho thấy các quốc gia không thể trông chờ ngoại viện theo lối cũ. Một quốc gia muốn hợp tác quốc tế hiệu quả cần phát huy được thực lực bên trong của mình. Đây là điểm cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh: "muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã"⁽¹⁾. Ngày nay tranh thủ hợp tác quốc tế chủ yếu là thu hút nguồn vốn FDI, tận dụng các quy chế ưu đãi thương mại đối với những nước đang phát triển, chủ động hội nhập kinh tế, tham gia liên kết thị trường, phân công lao động quốc tế, cũng như các thể chế kinh tế toàn cầu. Một số nhà chính trị ở các nước "cách mạng màu" vẫn hy vọng lớn vào viện trợ nước ngoài; đại sứ của một nước lớn phương Tây khuyên họ nên làm quen

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 2, tr 293

"vội tư duy tự chịu trách nhiệm về mình". Tại một số khu vực của châu Phi, qua nhiều năm thiên tai hạn hán, cùng với sự bất lực của hệ thống chính trị, những lời kêu gọi cứu trợ ít được quốc tế lắng nghe hoặc phản ứng chậm chạp, một số nước đang đối mặt với thảm họa của nạn đói và bệnh tật lan rộng. Một số chính phủ phương Tây nhấn mạnh rằng viện trợ phát triển chỉ riêng nó không thể xóa đói giảm nghèo. Họ có thiên hướng ưu tiên cấp ODA cho những nước sử dụng viện trợ có trách nhiệm và hiệu quả. Nói thẳng ra là họ chỉ muốn giúp những nước có thể tự giúp mình.

Trong trào lưu cải cách, mở cửa với mọi khuynh hướng chính trị khác nhau nở rộ trên thế giới, có những nước thành công, cũng không ít nước trải qua những cuộc thử nghiệm thất bại cay đắng, tiếp tục "thập kỷ mất mát" và tình trạng xung đột chính trị - xã hội triền miên. Trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam, sự gắn kết mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội tạo động lực cho phát triển. Sự kiên định trong mục tiêu và định hướng chiến lược phát triển, các nỗ lực to lớn đổi mới cơ chế, hiện đại hóa đất nước, đã góp phần tạo nên các thành tựu kinh tế - xã hội quan trọng của nước ta. Qua 15 năm từ khi đất nước mở cửa, hội nhập quốc tế, so với một số nước cùng cấp độ phát triển trước đây, Việt Nam đã vượt lên với tốc độ phát triển cao hơn.

Một quốc gia muốn có môi trường thuận lợi để thực hành cải cách thì không thể không thực hiện các quan hệ láng giềng tốt đẹp. "Nội yên, ngoại tĩnh" vừa là tiêu chí vừa là điều kiện cần của phát triển. Ngoại giao Việt Nam kế thừa tư tưởng hòa mục, từng được Trần Hưng Đạo nêu lên: "Hòa mục là đạo rất hay trong việc trị nước, hành binh. Hòa ở trong nước thì ít phải dùng binh, hòa ở ngoài biên thì không sợ báo động".

Trong thời kỳ đổi mới, Việt Nam đã tích cực giải quyết những vấn đề tồn tại với các nước láng giềng trên cơ sở tìm ra mẫu số chung về lợi ích; các chương trình liên kết kinh tế khu

vực được mở rộng, phấn đấu tăng tính hiệu quả thiết thực. Sự hợp tác được thực hiện trên nhiều tầng nấc, song phương và đa phương: với các nước láng giềng, các quốc gia ở Đông - Nam Á, Đông Á, châu Á - Thái Bình Dương và diễn đàn Á - Âu. Nhờ vậy đã góp phần tạo môi trường và mở rộng thị trường cho Việt Nam.

Trong lịch sử hiện đại, Đông Dương là nơi hầu hết các cường quốc trên thế giới dính líu và can dự trực tiếp. Do vị trí địa lý - chính trị của Việt Nam, kể từ năm 1945, các quan hệ nước lớn luôn có vị trí đặc biệt trong quan hệ đối ngoại của nước ta. Chính sách nước lớn tác động vừa trực tiếp vừa thông qua các mối liên hệ tương tác với các nước láng giềng khu vực của Việt Nam. Ngày nay dù các thiết chế chính trị thế giới có nhiều thay đổi, tương quan lực lượng nước lớn thường xuyên biến đổi, nhưng bản chất nền chính trị nước lớn vẫn không đổi. Sự tương tác đa chiều của quan hệ nước lớn với các nước láng giềng khu vực và với nước ta vẫn hiện hữu và mang tính quy luật. Đối sách ứng xử của Việt Nam những năm qua phù hợp với các đặc điểm đó.

Những năm tới, sự tăng trưởng mạnh mẽ của kinh tế châu Á và việc gia tăng các liên kết thị trường tại khu vực này sẽ tiếp tục thu hút nguồn lực kinh tế, tài chính, khoa học - công nghệ từ các khu vực khác của thế giới. Ở một phương diện khác, cán cân quyền lực và bàn cờ chính trị - an ninh ở châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục vận động. Môi trường Đông Á tạo ra cơ hội vàng cho sự phát triển của các quốc gia trong vùng, nhưng cũng tích tụ nhiều bất trắc. Cũng tương tự như vậy, trong thế giới toàn cầu hóa hiện nay, các thách thức mới luôn đồng hành với các cơ hội. Khi đã vào "sân chơi" toàn cầu, không nền kinh tế nào, dù mạnh đến mấy, được ngoại lệ trước các thách thức luôn phát sinh, và đều phải luôn thích nghi, không ngừng đổi mới, điều chỉnh các chính sách và cơ cấu kinh tế. Chiều hướng phát triển tình hình châu Á sắp tới phụ thuộc nhiều vào nỗ lực của các quốc gia trong vùng làm cho tính cố kết khu vực đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững; đồng thời thực

hiện quan hệ cân bằng và đa dạng hóa, không đặt cược vào một hệ thống quốc tế riêng lẻ nào.

Đường lối quốc tế và chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng và Nhà nước ta đã làm chuyển hóa các quan hệ quốc tế của nước ta, tăng cường thế của đất nước, đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; đồng thời cũng đặt cơ sở cho các quan hệ quốc tế lâu dài. Với các quan hệ quốc tế rộng mở, vừa đa phương hóa, đa dạng hóa, vừa có trọng tâm trọng điểm, những cán bộ hoạt động trên các lĩnh vực đối ngoại ở thời kỳ đất nước muốn là "bạn của tất cả các nước" được rộng bề hành xử. Sang thế kỷ XXI, những cán bộ ngoại giao, cùng mọi lực lượng khác hợp thành binh chủng đối ngoại Việt Nam, bước vào chặng đường mới, tích cực chủ động đóng góp trực tiếp phát triển kinh tế của đất nước và thúc đẩy các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, bền vững và hiệu quả.

Trải qua sự cọ xát trực tiếp trên trường quốc tế, ngoại giao Việt Nam thời kỳ hội nhập đã thể hiện tính chùng mực, hợp lý trong các đề xuất tại các diễn đàn đa phương; cân trọng và cân bằng trong các quan hệ đa chiều. "Làm bạn với tất cả các nước" không chỉ là nguyên tắc mà hiện hữu trong phong cách đối ngoại.

Ngoại giao phản ánh thực lực quốc gia. Diện mạo của ngoại giao là diện mạo của một đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn" (2). Một đất nước có thực lực lớn mạnh thì các thông điệp ngoại giao thường mang sức nặng tương xứng. Bên cạnh đó, nền kinh tế tăng trưởng, thị trường nội địa tiềm lực, môi trường kinh tế cạnh tranh, nguồn nhân lực dồi dào là những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của đất nước.

Thực lực mang nội dung tổng hợp, gồm cả nội hàm văn hóa và tinh thần. Bạn bè quốc tế quý trọng Việt Nam anh hùng trong chiến tranh và đạt được nhiều thành tựu kỳ diệu trong xây dựng hòa bình. Nhiều đức tính người Việt Nam được đánh giá cao: lạc quan, hướng về tương

lai, thân thiện, cởi mở. Tuy vậy, người Việt Nam ta cần tăng cường tính nguyên tắc, kế hoạch, thiết thực; bồi bổ các văn hóa ứng xử về bảo vệ môi trường, chống tham nhũng, công khai minh bạch; khắc phục những nhược điểm từ nền sản xuất nhỏ nông nghiệp cùng các quán tính thời chiến, thời bao cấp...

Con đường cải biến xã hội ở mọi quốc gia đều muôn vàn khó khăn. Qua 20 năm đổi mới, đất nước ta đã tiến những bước dài trên đường phát triển với uy tín được nâng cao trên trường quốc tế. Điều bức xúc lúc này chính là tốc độ và cường độ những cải biến chưa đủ nhanh, đủ mạnh trước những điều còn bất cập của cơ chế, các vấn đề kinh tế, xã hội bức bách và trước một thế giới đang thay đổi vô cùng nhanh chóng, mạnh mẽ, phức tạp. Để hiện thực hóa mô hình xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ và văn minh, chúng ta cần thực hiện với tinh thần quyết đoán và dứt điểm những chương trình trọng tâm, trong đó có cải cách hệ thống hành chính, hệ thống tư pháp, hệ thống giáo dục, quyết liệt chống tham nhũng, nhằm đạt tới những kết quả cụ thể vào năm 2010 - giai đoạn then chốt của phát triển và hội nhập quốc tế. Có như vậy, mới tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta có thể hoàn thành căn bản các mục tiêu dài hạn mà Đại hội IX của Đảng đề ra.

Mỗi dân tộc có sự lựa chọn riêng của mình con đường phát triển phù hợp với đặc điểm lịch sử, văn hóa dân tộc, với thực tiễn đời sống của đất nước và trào lưu tiến bộ của nhân loại. Chúng ta không nhằm tạo ra một mô hình phát triển của mình với mục đích tự thân. Nhưng nếu Việt Nam kiên định thực hiện thành công lý tưởng và những mục tiêu của sự nghiệp đổi mới, có thể đem lại các kinh nghiệm bổ ích đối với những quốc gia đang tìm con đường phát triển. □

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 126